

Số...../STNMT-CCBVM
V/v góp ý Kế hoạch triển khai chiến lược
quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn
đến năm 2050

Đắk Nông, ngày tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị liên quan
(có danh sách kèm theo)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị.

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 5/8/2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4794/UBND-NNTNMT ngày 23/8/2022 về việc triển khai Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Trong đó, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại phần V mục 6 của Quyết định số 896/QĐ-TTg nêu trên.

Sau khi nghiên cứu các quy định liên quan, để triển khai nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự thảo Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023 – 2033, tầm nhìn đến 2050 (có file dự thảo kèm theo). Nội dung liên quan đến từng đơn vị được trích tại phụ lục kèm theo văn bản này. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu các nội dung trong dự thảo và gửi ý kiến góp ý về Sở Tài nguyên và Môi trường

trước ngày 25 tháng 6 năm 2023. Để thuận tiện cho quá trình tổng hợp, file hoàn thiện xin gửi đến địa chỉ email: htuongvy.83@gmail.com.

Căn cứ các nội dung trong dự thảo gửi kèm, đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn đề xuất các nhiệm vụ cụ thể để hoàn thiện danh mục các nhiệm vụ cần thực hiện trong phần phụ lục của kế hoạch nêu trên. Sau khi tổng hợp các đề xuất của các Sở, ngành, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường rất mong nhận được góp ý của Quý đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Lãnh đạo Sở: đ/c Hiệp; đ/c Trung (để b/c);
- Lưu: VT, CCBVMT_(v).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Chí Trung

Danh sách nơi nhận văn bản

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2. Đài Khí tượng thủy văn
3. Sở Khoa học và Công nghệ
4. Sở Xây dựng
5. Sở Giao thông vận tải
6. Sở Nội vụ
7. Sở Giáo dục và Đào tạo
8. Sở Công thương
9. Sở Y tế
10. Ban quản lý các khu công nghiệp
11. Tỉnh đoàn Đắk Nông
12. Công an tỉnh
13. Sở Tài chính
14. Sở Kế hoạch và đầu tư
15. Sở Thông tin và truyền thông
16. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17. Sở Lao động Thương binh Xã hội
18. Hội Nông dân
16. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông
17. Liên hiệp Hội Phụ nữ tỉnh Đắk Nông
19. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
20. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
21. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông
22. Kho bạc nhà nước Đắk Nông
23. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông
24. Các phòng thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Phòng Khoáng sản – Tài nguyên nước; phòng Quy hoạch giao đất; Trung tâm phát triển quỹ đất; Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, Phòng Đăng ký Thống kê Đo đạc, Viễn Thám – Chính sách đất đai;

Phụ lục: Nội dung liên quan các đơn vị cần quan tâm góp ý

TT	Nội dung cần góp ý	Đơn vị góp ý
	Mục tiêu đến 3030	
1.	Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.	Các phòng: Khoáng sản – Tài nguyên nước, Quy hoạch giao đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương
2.	Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố
3.	Bảo đảm độ che phủ rừng ít nhất 42%; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 9% diện tích lãnh thổ đất liền	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố
4.	Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở các đô thị lớn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương;
5.	Bảo đảm ít nhất 95% dân số được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố
6.	Nâng cao: trình độ khoa học và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai; năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản.	Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Đắk Nông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7.	Bảo đảm 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70% các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% các khu vực ngập tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu nước ngập.	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
	Mục tiêu đến 2050	
8.	Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 43% và đảm bảo lâm phận rừng tỉnh Đắk Nông; nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn hiệu quả; đa dạng sinh học và	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

	dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái.	
9.	Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu. Bảo đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 90% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế
10.	Trình độ, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai tương đương với các nước phát triển; dịch vụ khí hậu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.	Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Đắk Nông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11.	Mọi người dân được bảo đảm an toàn trước thiên tai và các rủi ro khí hậu; đảm bảo di dời 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn. Bảo hiểm rủi ro thiên tai cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài sản của doanh nghiệp và xã hội.	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
Định hướng nhiệm vụ và giải pháp		
12.	Tập trung bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước. Lập và triển khai quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Đắk Nông và các lưu vực sông; xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước ngầm; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm, tăng cường các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước. Bảo đảm an ninh tài nguyên nước; hợp tác, chia sẻ lợi ích bảo đảm công bằng và hợp lý trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước trong tỉnh. Từ nay đến năm 2030 tập trung kiểm soát tốt tình trạng suy thoái, cạn kiệt tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng tổng hợp thống nhất nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các ngành, cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động và phòng chống thiên tai do nước gây ra phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm.	Phòng Khoáng sản – Tài nguyên nước, CC BVMT - Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
13.	Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Thúc đẩy phát triển đô thị, khu công nghiệp theo mô hình tuần hoàn, bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải trong tỉnh.	Trung tâm phát triển quỹ đất, phòng Quy hoạch và Giao đất, Chi cục Bảo vệ môi trường, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, Phòng Đăng ký Thống kê Đo đạc, Viễn Thám – Chính

	Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất.	sách đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý các khu công nghiệp; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
14.	Xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu ở từng vùng, miền. Từ nay đến năm 2030, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiên bộ khoa học; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven sông; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp. Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu. Từ nay đến năm 2030, tập trung bảo vệ và hạn chế tối đa chuyển đổi rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên; đẩy mạnh phục hồi và nâng cao chất lượng và khả năng rừng phòng hộ đầu nguồn; củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, đánh giá và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15.	Tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường

16.	Thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp; phát triển các khu đô thị, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu. Từ nay đến năm 2030, ưu tiên xây dựng các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt ở các đô thị lớn. Xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa thể thao và du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện và thành phố
17.	Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, miền núi, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán. Từ nay đến năm 2030, tập trung tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cấp nước và năng lực cung cấp nước sạch cho dân cư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18.	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu. Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các vùng dân tộc ít người; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.	Sở Y tế
19.	Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở LĐTBXH, Tỉnh đoàn Đắk Nông, Liên hiệp Hội Phụ nữ tỉnh Đắk Nông, Hội Nông dân, Sở Giáo dục và Đào tạo.

	Từ nay đến năm 2030, tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai; đẩy mạnh các phong trào, hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về biến đổi khí hậu và các giải pháp trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	
20.	Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, động đất, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với bão, mưa, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông. Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, dự báo dựa trên tác động; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai. Đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động qua vệ tinh bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời tới tất cả các địa phương, người dân trên địa bàn tỉnh; vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông tỉnh Đắk Nông. Từ nay đến năm 2030, tập trung phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và thiên tai. Nâng lực giám sát biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản. Xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, theo dõi, giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên đối với hệ thống đo mưa tự động. Hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu, thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu của tỉnh về biến đổi khí hậu.	Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Đắk Nông; Sở Thông tin và Truyền thông Đắk Nông
21.	Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu, chú trọng các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán; phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của sạt lở bờ sông. Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất. Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán	Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
22.	Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương
23.	Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng	Phòng Khoáng sản – Tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường

	quan trọng; kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và tối ưu hóa nguồn lực phát triển	
24.	Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.	UBND các huyện, thành phố
25.	Nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.	Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ chỉ huy Quân sự; Công an tỉnh; Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
26.	Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hằng năm từ 3.000 tấn CO₂tđ trở lên từ năm 2022. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính. Kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
27.	Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện chạy pin và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và với điều kiện, hoạt động của mình.	Tất cả các Sở, ban, ngành có trong danh sách nơi nhận văn bản.
28.	Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2050 giảm 10% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý,	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

	loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2050. Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.	thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban quản lý các khu công nghiệp
29.	Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO ₂ đ trở lên từ năm 2030; 500 tấn CO ₂ đ trở lên từ năm 2040; 200 tấn CO ₂ đ trở lên từ năm 2050. Mọi cơ sở thuộc khu vực công phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính.	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố
30.	Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và các giải pháp công nghệ đột phá trong tương lai đồng thời bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Tiếp tục phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ có chọn lọc, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; mở rộng một số thủy điện vừa và lớn để phát huy tối đa hiệu quả của thủy điện. Nâng công suất các nhà máy điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, điện gió trên bờ, điện sinh khối, phát triển các công nghệ nhiên liệu hydro, amonia. Đến năm 2030, tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo bao gồm thủy điện, điện gió, điện mặt trời, sinh khối chiếm ít nhất 33% tổng sản lượng điện phát. Đến năm 2050, tỷ lệ nguồn năng lượng tái tạo chiếm ít nhất 55% trong tổng sản lượng điện phát.	Sở Công Thương
31.	Các nguồn năng lượng sạch hơn; giảm tỷ trọng các nguồn nhiên liệu hóa thạch, không phát triển các dự án nhiệt điện than mới sau năm 2030, giảm dần quy mô công suất điện than sau năm 2035; từng bước áp dụng công nghệ chuyển đổi sang nhiên liệu sạch, không phát thải đối với các nhà máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tiến tới giảm tối đa lượng nhiên liệu hóa thạch cho phát điện vào năm 2050; xem xét phát triển điện hạt nhân với công nghệ hiện đại và bảo đảm an toàn vào thời điểm phù hợp. Phát triển các công nghệ lưu trữ năng lượng gồm pin tích năng, thủy điện tích năng, trữ nhiệt... và lưới điện thông minh, bảo đảm độ ổn định và tích hợp năng lượng tái tạo trong hệ thống điện với tỷ lệ cao. Nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối năng lượng để tăng hiệu quả, giảm tổn thất và hỗ trợ tích hợp hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thu giữ, lưu trữ các bon (CCS - Carbon Capture Storage) cho các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch và các cơ sở sản xuất công nghiệp.	Sở Công Thương
32.	Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng. Tăng tỷ trọng thâm nhập của các thiết bị sử dụng	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở

	năng lượng hiệu quả, hiệu suất cao trong các lĩnh vực công nghiệp, dân dụng, thương mại; nâng cao hiệu suất lò hơi, động cơ điện, cấp nhiệt, làm mát tập trung và các thiết bị điện; từng bước sử dụng hydro thay thế than trong công nghiệp luyện kim, trong các ngành dịch vụ, thương mại. Điện khí hóa nông nghiệp và sử dụng thiết bị hiệu quả năng lượng trong chuỗi sản xuất nông nghiệp sau thu hoạch.	Công thương, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện và thành phố, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy và Sở Thông tin và truyền thông tuyên truyền
33.	Xây dựng công trình, nhà ở chống nắng nóng, sử dụng các giải pháp làm mát xanh, dựa vào tự nhiên để giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, sử dụng vật liệu ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế. Xây dựng và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn sử dụng hiệu quả năng lượng tòa nhà. Đẩy mạnh giải pháp hiệu quả năng lượng và mô hình kinh doanh sáng tạo cho các thiết bị làm mát và điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng thông minh. Nâng cao hiệu suất năng lượng của thiết bị và hệ thống chuỗi lạnh, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo cho hệ thống cung ứng và bảo quản lạnh.	Sở Xây dựng; Sở Y tế
34.	Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải thông qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải. Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch cho các phương tiện giao thông; tăng dần tỷ lệ phương tiện giao thông điện, hydro. Phát triển ngành công nghiệp sử dụng năng lượng sạch, sản xuất và lưu hành phương tiện giao thông sử dụng điện, hydro; sản xuất pin thể hệ mới, chất bán dẫn tiết kiệm năng lượng; phát triển hệ thống hạ tầng giao thông xanh. Tái cơ cấu thị trường vận tải, bao gồm chuyển đổi từ vận tải đường bộ sang đường thủy nội địa; chuyển đổi từ vận tải đường bộ sang đường sắt, tăng lưu lượng vận tải hàng hóa đường sắt; tăng hiệu suất vận tải thông qua xây dựng, mở rộng mạng lưới đường bộ và tuyến đường sắt. Chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng.	Sở Giao thông vận tải
35.	Lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất (trang 11, 12 trong dự thảo)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
36.	Lĩnh vực chất thải (trang 12 trong dự thảo)	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
37.	Lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp (trang 12, 13 trong dự thảo)	Sở Công thương,
38.	Đáp ứng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về tòa nhà xanh, khu đô thị xanh, bảo đảm đến năm 2050 các quy chuẩn, tiêu chuẩn về tòa nhà xanh, khu đô thị xanh được áp dụng bắt buộc đối với tất cả các công trình xây dựng mới. Giảm dần sử dụng các môi chất lạnh Hydro-cloro-fluoro-carbon (HCFC) và Hydro-fluoro-carbon (HFC) trong chuỗi lạnh, hệ thống lạnh và điều hòa không khí tòa nhà; nâng cao hiệu quả làm lạnh, giảm nhu cầu làm mát và tiêu hao môi chất lạnh thông qua các giải pháp thiết	Sở Xây dựng

	kế tòa nhà và làm mát thụ động; thúc đẩy việc thu hồi, tái sử dụng, tiêu hủy, tái chế môi chất lạnh và tiến tới sử dụng môi chất lạnh có tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP) thấp.	
39.	- Thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh đối với các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tích hợp nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính vào quy hoạch phát triển đô thị nhằm giảm nhu cầu năng lượng, tài nguyên và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương. - Khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực; phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững và không làm mất rừng, suy thoái rừng; nông nghiệp bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường.	Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư
40.	Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng (trang 13, 14 trong dự thảo)	Hội Nông dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông, Liên hiệp Hội Phụ nữ tỉnh Đắk Nông, Tỉnh đoàn Đắk Nông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông, Sở Thông tin và truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
41.	Phát triển nguồn nhân lực (điểm c, mục 2. Giảm phát thải khí nhà kính trong dự thảo)	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
42.	Phát triển khoa học và công nghệ (điểm d, mục 2. Giảm phát thải khí nhà kính trong dự thảo)	Sở Khoa học và Công nghệ
43.	Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu (điểm đ, mục 2. Giảm phát thải khí nhà kính trong dự thảo)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
44.	Nguồn vốn thực hiện (Phần IV trong dự thảo)	Sở Tài chính